

**PHỤ LỤC 3**  
**THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 5 NĂM 2023**  
**PHỤC VỤ CHO DỰ ÁN CAO TỐC KHÁNH HÒA - BUỒN MA THUỘT**  
(Kèm theo Công văn số            /SXD-KTVLXD ngày    /5/2023 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)

| S TT     | Loại vật liệu xây dựng                                                                                                                            | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú                 |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|-------------------------|
|          |                                                                                                                                                   |             |                                                   | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |                         |
| (1)      | (2)                                                                                                                                               | (3)         | (4)                                               | (5)                        | (6)                                 | (7)                     |
| <b>I</b> | <b>HỆ THỐNG AN TOÀN GIAO THÔNG</b>                                                                                                                |             |                                                   |                            |                                     |                         |
| <b>1</b> | <i>Sản phẩm của Công ty Phương Tuấn</i><br><i>Trụ sở: 54 Nguyễn Bình Khiêm, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Liên hệ: 0257.382.9057</i> |             |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | <b>Biển báo đường cao tốc</b>                                                                                                                     |             |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tam giác A70                                                                                                                             | Biển        |                                                   |                            | 960.000                             |                         |
|          | Biển báo tam giác A87,5                                                                                                                           | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tam giác A130                                                                                                                            | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tam giác A140                                                                                                                            | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tròn D70                                                                                                                                 | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tròn D87,5                                                                                                                               | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tròn D90                                                                                                                                 | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tròn D130                                                                                                                                | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo tròn D140                                                                                                                                | Biển        |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có KT <1m2)                                                                                            | m2          |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có KT <5m2)                                                                                            | m2          |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Biển báo chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có KT >5m2)                                                                                            | m2          |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | <b>Trụ đỡ biển báo</b>                                                                                                                            |             |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Cột đỡ biển báo D88,3*3mm mạ kẽm và dán Đề can phản quang 3M-3900                                                                                 | m           | Công ty Phương Tuấn                               |                            | 550.000                             | Thành phố Buôn Ma Thuột |
|          | Cột thép D141,3*4,5*2150                                                                                                                          | cột         | nt                                                |                            | 1.527.360                           |                         |
|          | Cột thép D141,3*4,5*2080                                                                                                                          | cột         | nt                                                |                            | 1.491.840                           |                         |
|          | Cột thép D141,3*4,5*1100                                                                                                                          | cột         | nt                                                |                            | 781.440                             |                         |
|          | <b>Trụ đỡ tôn sóng</b>                                                                                                                            |             |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5*2150                                                                                                                     | cột         | nt                                                |                            | 1.501.904                           |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5*2500                                                                                                                     | cột         | nt                                                |                            | 1.764.400                           |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5*2675                                                                                                                     | cột         | nt                                                |                            | 1.886.112                           |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,7m                                                                                                                | cột         | nt                                                |                            | 1.187.552                           |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,5m                                                                                                                | cột         | nt                                                |                            | 1.047.840                           |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,58m                                                                                                               | cột         | nt                                                |                            | 1.103.725                           |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,36m                                                                                                               | cột         | nt                                                |                            | 977.984                             |                         |
|          | Trụ đỡ tôn sóng D141*4,5mm, L=1,08m                                                                                                               | cột         | nt                                                |                            | 768.416                             |                         |
|          | Tấm phân cách di động bằng thép sơn mũi tên (đào xếp giao thông nút giao)                                                                         | kg          | Công ty Phương Tuấn                               |                            | 58.000                              |                         |
|          | Nắp chụp D150x2mm                                                                                                                                 | cái         | nt                                                |                            | 25.000                              |                         |
|          | Thép dẹt 196x178x200x4,5mm                                                                                                                        | cái         | nt                                                |                            | 200.000                             |                         |
|          | Thép dẹt 624x389x200x4mm                                                                                                                          | cái         | nt                                                |                            | 510.000                             |                         |
|          | Thép dẹt 300x70x5mm                                                                                                                               | cái         | nt                                                |                            | 60.000                              |                         |
|          | Tiêu phản quang tam giác dày 2mm dán đề can phản quang 3M-3900                                                                                    | cái         | nt                                                |                            | 18.000                              |                         |
|          | <b>Hệ lan tôn sóng mạ kẽm</b>                                                                                                                     |             |                                                   |                            |                                     |                         |
|          | Tôn lượn sóng (2 sóng) 4320x310x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 2.352.950                           |                         |
|          | Tôn lượn sóng (2 sóng) 2320x310x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 1.263.621                           |                         |
|          | Tôn lượn sóng (2 sóng) 2006x310x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 1.143.795                           |                         |
|          | Tôn lượn sóng (2 sóng) 1336x310x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 727.672                             |                         |
|          | Tôn lượn sóng (2 sóng) 3320x310x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 1.808.286                           |                         |
|          | Tấm đầu, tấm cuối tôn (2 sóng) (700*310*4mm)                                                                                                      | tấm         | nt                                                |                            | 460.620                             |                         |
|          | Tôn lượn sóng (3 sóng) 6320x508x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 5.499.371                           |                         |
|          | Tôn lượn sóng (3 sóng) 4320x508x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 3.759.064                           |                         |
|          | Tôn lượn sóng (3 sóng) 2230x310x4mm                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 2.018.756                           |                         |

| S TT | Loại vật liệu xây dựng                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|---------|
|      |                                                                                                                                                               |             |                                                   | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |         |
| (1)  | (2)                                                                                                                                                           | (3)         | (4)                                               | (5)                        | (6)                                 | (7)     |
|      | Tấm đầu, tấm cuối tôn (3 sóng)<br>(700*508*4mm)                                                                                                               | tấm         | nt                                                |                            | 697.255                             |         |
|      | <b>Hàng rào dây thép gai</b>                                                                                                                                  |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Kềm gai đường kính dây 2,5x2mm                                                                                                                                | m           | nt                                                |                            | 8.000                               | nt      |
|      | Ống thép D60 dày 3mm, L=1640mm                                                                                                                                | cái         | nt                                                |                            | 689.000                             | nt      |
|      | Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm, bu lông đai ốc D12, L=50mm                                                                                          | cái         | nt                                                |                            | 840.000                             | nt      |
|      | Tấm phân cách di động bằng thép sơn mũi tên (đào xếp giao thông nút giao)                                                                                     | cái         | nt                                                |                            | 1.980.000                           | nt      |
|      | Cột ống thép mã kèm 141,3*4,5*1820mm                                                                                                                          | cột         | nt                                                |                            | 1.292.928                           | nt      |
|      | Cột ống thép mã kèm 141,3*4,5*1385mm                                                                                                                          | cột         | nt                                                |                            | 994.560                             | nt      |
|      | Cột ống thép mã kèm 141,3*4,5*2450mm                                                                                                                          | cột         | nt                                                |                            | 1.776.000                           | nt      |
|      | Cột ống thép mã kèm 126,8*4,3*700mm                                                                                                                           | cột         | nt                                                |                            | 419.580                             | nt      |
|      | Cột ống D60x3mm, H = 3,03m (bao gồm cả nắp bịt)                                                                                                               | cột         | nt                                                |                            | 1.272.600                           | nt      |
|      | Cột ống D60x3mm, H = 3,23m (bao gồm cả nắp bịt)                                                                                                               | cột         | nt                                                |                            | 1.356.600                           | nt      |
|      | Cột thép mã kèm D267,4 x 9,3mm                                                                                                                                | m           | nt                                                |                            | 10.400.000                          | nt      |
|      | Cột thép mã kèm D457,2 x 16mm                                                                                                                                 | m           | nt                                                |                            | 13.650.000                          | nt      |
|      | Giá long môn (bao gồm cột, giá treo ống + khung giá + bu long nối + bu lông neo)                                                                              | cái         | nt                                                |                            | 504.164.173                         | nt      |
|      | Trụ thép D59,9*3 cao 241mm (bao nắp bịt, gân cột, tai cột)                                                                                                    | cột         | nt                                                |                            | 312.000                             | nt      |
|      | Tấm đầu cuối L=1020mm                                                                                                                                         | tấm         | nt                                                |                            | 992.187                             | nt      |
|      | Hệ lan tôn lượn sóng tấm giữa (4320x508x4)mm SS540                                                                                                            | tấm         | nt                                                |                            | 3.820.187                           | nt      |
|      | <b>Hàng rào lưới</b>                                                                                                                                          |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Ống thép D60 dày 3mm, L=1440mm                                                                                                                                | cái         | nt                                                |                            | 384.000                             | nt      |
|      | Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm bao gồm 2 mặt tấm thép 50x3 L=112mm và L = 65mm, mặt bích vuông 120x10mm- L=120mm, bu lông đai ốc D12 (2 cái) L=50mm | cái         | nt                                                |                            | 988.000                             | nt      |
|      | Hàng rào lưới thép B40 mạ kẽm KT 4x65x65mm, L=1500x2730mm                                                                                                     | cái         | nt                                                |                            | 2.567.000                           | nt      |
|      | <b>Cửa ra và hàng rào bảo vệ lưới B40</b>                                                                                                                     |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Cửa hàng rào lưới thép B40 mạ kẽm nhúng nóng (khung thép hộp T25x50x1,8 nẹp L40x4, thép tấm PL26x2, lưới B40, d4mmmm, (ô mắt 63x63mm)                         | cái         | nt                                                |                            | 4.975.000                           | nt      |
|      | Thanh chống bằng thép ống mạ kẽm P50, 1x2,8x1240mm (bao gồm tai bắt, tấm gia cường) mạ kẽm nhúng nóng                                                         | cái         | nt                                                |                            | 338.000                             | nt      |
|      | Thanh gìm D12x500mm                                                                                                                                           | cái         | nt                                                |                            | 25.000                              | nt      |
|      | <b>Lưới chống chói</b>                                                                                                                                        |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Lưới chống chói KT 1780x450mm                                                                                                                                 | tấm         | nt                                                |                            | 936.000                             |         |
|      | Trụ lưới chống chói D60 H500                                                                                                                                  | trụ         | nt                                                |                            | 336.000                             |         |
|      | Lưới chống chói KT 1780x700mm                                                                                                                                 | tấm         | nt                                                |                            | 1.128.000                           |         |
|      | Trụ lưới chống chói D60 H750                                                                                                                                  | trụ         | nt                                                |                            | 462.000                             |         |
|      | <b>Đề can phản quang</b>                                                                                                                                      |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Đề can phản quang loại IV (3M-3900)                                                                                                                           | m2          | nt                                                |                            | 700.000                             |         |
|      | Đề can phản quang loại IV (3M-3900)                                                                                                                           | m2          | nt                                                |                            | 1.650.000                           |         |
|      | <b>Sơn nhiệt dẻo giao thông (công nghệ Nhật Bản)</b>                                                                                                          |             |                                                   |                            |                                     |         |

| S TT | Loại vật liệu xây dựng                                                                                                     | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|---------|
|      |                                                                                                                            |             |                                                   | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |         |
| (1)  | (2)                                                                                                                        | (3)         | (4)                                               | (5)                        | (6)                                 | (7)     |
|      | Bột sơn Futun màu trắng (20% hạt phản quang)                                                                               | kg          | nt                                                |                            | 23.000                              |         |
|      | Bột sơn Futun màu vàng (20% hạt phản quang)                                                                                | kg          | nt                                                |                            | 24.000                              |         |
|      | Keo lót Futun                                                                                                              | kg          | nt                                                |                            | 79.000                              |         |
|      | Hạt phản quang                                                                                                             | kg          | nt                                                |                            | 23.000                              |         |
|      | <b>Đỉnh phản quang 3M RPM-290 (bằng hộp kim nhôm, 2 mặt vàng - vàng, có chân) KT 130*110*75mm</b>                          | cái         | nt                                                |                            | 176.000                             |         |
|      | <b>Đỉnh phản quang 3M RPM-290 (bằng hộp kim nhôm, 2 mặt vàng - đỏ, có chân) KT 130*110*75mm</b>                            | cái         | nt                                                |                            | 189.000                             |         |
|      | <b>BU LÔNG</b>                                                                                                             |             | nt                                                |                            |                                     | nt      |
|      | Bu lông D27, L = 542mm (Giá long môn)                                                                                      | bộ          | nt                                                |                            | 143.000                             | nt      |
|      | Bu lông liên kết ren lửng M20x165                                                                                          | bộ          | nt                                                |                            | 37.000                              | nt      |
|      | Bu lông liên kết ren suốt M20x165                                                                                          | bộ          | nt                                                |                            | 54.000                              | nt      |
|      | Bu lông neo M32x1600                                                                                                       | bộ          | nt                                                |                            | 504.000                             | nt      |
|      | Bu lông liên kết ren suốt M12x40                                                                                           | bộ          | nt                                                |                            | 3.000                               | nt      |
|      | Bu lông liên kết ren suốt M14x50                                                                                           | bộ          | nt                                                |                            | 5.000                               | nt      |
|      | Bu lông liên kết ren suốt M12x50                                                                                           | bộ          | nt                                                |                            | 3.000                               | nt      |
|      | Bu lông liên kết ren suốt M18x40                                                                                           | bộ          | nt                                                |                            | 7.000                               | nt      |
|      | Bản đệm 300*70*5 mm thép SS400 (tôn hộ lan)                                                                                | bộ          | nt                                                |                            | 60.000                              | nt      |
|      | Bu lông đầu dùi M16*35                                                                                                     | bộ          | nt                                                |                            | 7.000                               | nt      |
|      | Bu lông đầu dùi M20*180                                                                                                    | bộ          | nt                                                |                            | 28.000                              | nt      |
|      | Bu lông đầu dùi M18*40                                                                                                     | bộ          | nt                                                |                            | 10.000                              | nt      |
|      | Bu lông neo M22x320 (lan can)                                                                                              | bộ          | nt                                                |                            | 51.000                              | nt      |
|      | Bu lông neo M22x250                                                                                                        | bộ          | nt                                                |                            | 42.000                              | nt      |
|      | Tắc kê nở ống liền M12*100                                                                                                 | bộ          | nt                                                |                            | 8.000                               | nt      |
|      | Áo phản quang                                                                                                              | cái         | nt                                                |                            | 168.000                             | nt      |
|      | Đèn xoay giao thông năng lượng                                                                                             | cái         | nt                                                |                            | 210.000                             | nt      |
|      | <b>PHÂN CẦU</b>                                                                                                            |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Gối chịu đơn hướng KK-DOH 1.7                                                                                              | cái         | TCVN 11823-14:2014                                |                            | 18.900.000                          | nt      |
|      | Gối chịu đa hướng KK-DOH 1.7                                                                                               | cái         |                                                   |                            | 17.535.000                          | nt      |
|      | Gối cao su 350x480x78mm                                                                                                    | cái         |                                                   |                            | 3.885.000                           | nt      |
|      | Gối cao su 350x480x78mm có tấm TPFE                                                                                        | cái         |                                                   |                            | 4.725.000                           | nt      |
|      | Gối cao su 300x400x69mm                                                                                                    | cái         |                                                   |                            | 2.625.000                           | nt      |
|      | Gối cao su 300x400x69mm có tấm TPFE                                                                                        | cái         |                                                   |                            | 325.500                             | nt      |
|      | Gối cao su 180x300x27mm                                                                                                    | cái         |                                                   |                            | 493.500                             | nt      |
|      | Gối cao su 150x250x21mm                                                                                                    | cái         |                                                   |                            | 273.000                             | nt      |
|      | Khe răng lược chuyển vị 150mm                                                                                              | m           |                                                   |                            | 11.550.000                          | nt      |
|      | Khe răng lược chuyển vị 100mm                                                                                              | m           | TCVN 25:2019 TCĐBVN                               |                            | 10.500.000                          | nt      |
|      | Khe răng lược chuyển vị 50mm                                                                                               | m           |                                                   |                            | 8.925.000                           | nt      |
|      | Khe co giãn Feba chuyển vị 50mm                                                                                            | m           |                                                   |                            | 16.800.000                          | nt      |
|      | Tấm cao su dày 20mm                                                                                                        | m2          | ASTM D4010                                        |                            | 1.575.000                           | nt      |
|      | Tấm cao su dày 10mm                                                                                                        | m2          |                                                   |                            | 840.000                             | nt      |
| 2    | <b>Sản phẩm của Công ty Indecons Vina</b><br><i>Trụ sở: Quận Tây Hồ, Hà Nội. Liên hệ: Mr. Trần Hiếu, sdt: 0945.789.555</i> |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | <b>Biển báo hiệu đường bộ</b>                                                                                              |             | <b>Indecons Vina</b>                              |                            |                                     |         |
|      | Biển báo tam giác cạnh 0.7m                                                                                                | biển        | QCVN 41:2019/BGTVT                                |                            | 678.000                             |         |
|      | Biển báo tròn D=0.7m                                                                                                       | biển        |                                                   |                            | 945.000                             |         |
|      | Biển báo tam giác cạnh 0.9m                                                                                                | biển        |                                                   |                            | 815.000                             |         |
|      | Biển báo tròn D=0.9m                                                                                                       | biển        |                                                   |                            | 1.327.000                           |         |
|      | Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước <1m2)                                                                 | m2          |                                                   |                            | 2.670.000                           |         |
|      | Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước 1 - 1,6 m2)                                                           | m2          |                                                   |                            | 2.750.000                           |         |
|      | Biển báo tam giác A90                                                                                                      | biển        |                                                   |                            | 1.805.000                           |         |
|      | Biển báo tam giác A130                                                                                                     | biển        |                                                   |                            | 1.290.500                           |         |
|      | Biển báo tam giác A140                                                                                                     | biển        |                                                   |                            | 1.451.000                           |         |

| S TT | Loại vật liệu xây dựng                                     | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|---------|
|      |                                                            |             |                                                   | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |         |
| (1)  | (2)                                                        | (3)         | (4)                                               | (5)                        | (6)                                 | (7)     |
|      | Biển báo tròn D90                                          | biên        | QCVN 41:2019/BGTVT                                |                            | 3.085.000                           |         |
|      | Biển báo tròn D130                                         | biên        |                                                   |                            | 6.500.000                           |         |
|      | Biển báo tròn D1400mm                                      | biên        |                                                   |                            | 8.290.000                           |         |
|      | Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước <1m2) | m2          |                                                   |                            | 4.153.000                           |         |
|      | Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước <5m2) | m2          |                                                   |                            | 5.589.000                           |         |
|      | Biển chữ nhật, vuông (áp dụng cho biển có kích thước >5m2) | m2          |                                                   |                            | 6.923.000                           |         |
|      | Đai ôm D90, T=2mm                                          | cái         |                                                   |                            | 50.000                              |         |
|      | Màng phản quang                                            | m2          |                                                   |                            | 1.740.000                           |         |
|      | Cột thép mạ kẽm D88.3, dày 3mm                             | m           |                                                   |                            | 512.000                             |         |
|      | Cột thép mạ kẽm D120 biển báo đường                        | m           |                                                   |                            | 750.000                             |         |
|      | Bu lông D10x25mm + vòng đệm dày 2mm                        | bộ          |                                                   |                            | 2.500                               |         |
|      | Bu lông D16x250mm, (+vòng đệm)                             | bộ          |                                                   |                            | 50.000                              |         |
|      | Bu lông D16x65mm, (+vòng đệm)                              | bộ          |                                                   |                            | 17.000                              |         |
|      | Nắp chụp (Mạ kẽm nhúng nóng)                               | cái         |                                                   |                            | 14.000                              |         |
|      | <b>Sơn kẻ dẻo nhiệt</b>                                    |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Sơn dẻo nhiệt màu trắng                                    | kg          |                                                   |                            | 25.000                              |         |
|      | Sơn dẻo nhiệt màu vàng                                     | kg          |                                                   |                            | 26.000                              |         |
|      | Sơn lót                                                    | kg          |                                                   |                            | 83.000                              |         |
|      | <b>Tôn lợp sóng</b>                                        |             |                                                   |                            |                                     |         |
|      | Tấm đầu, tấm cuối tôn sóng rộng 460                        | tấm         | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123               |                            | 985.000                             |         |
|      | Tấm đầu, tấm cuối tôn sóng rộng 310                        | tấm         |                                                   |                            | 615.000                             |         |
|      | Tấm sóng cong 594x350x4                                    | tấm         |                                                   |                            | 786.200                             |         |
|      | Tiêu phản quang                                            | cái         |                                                   |                            | 9.000                               |         |
|      | Tôn lợp sóng đơn 4330x310x4mmm                             | m           |                                                   |                            | 597.000                             |         |
|      | Tôn lợp sóng đơn 2335x310x4mmm                             | m           |                                                   |                            | 608.500                             |         |
|      | Tôn lợp sóng đơn 2006x310x4mmm                             | m           |                                                   |                            | 610.000                             |         |
|      | Tôn lợp sóng đơn 1336x310x4mmm                             | m           |                                                   |                            | 620.000                             |         |
|      | Tôn lợp sóng đơn 697x310x4mm                               | m           |                                                   |                            | 1.115.000                           |         |
|      | Tôn lợp sóng đơn 3320x310x4mmm                             | m           |                                                   |                            | 599.000                             |         |
|      | Tôn lợp sóng đơn 2320x310x4mmm                             | m           |                                                   |                            | 609.000                             |         |
|      | Tôn lợp sóng kép 4330x460x4mmm                             | m           |                                                   |                            | 1.010.000                           |         |
|      | Tôn sóng nối sóng đơn và sóng kép 4330x460x4mmm            | m           |                                                   |                            | 685.000                             |         |
|      | Tôn lợp sóng 2330x350x4mmm                                 | m           |                                                   |                            | 601.760                             |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=2.15m                        | cột         | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123               |                            | 1.519.000                           |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.5m                       | cột         |                                                   |                            | 1.727.500                           |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.445m                     | cột         |                                                   |                            | 1.689.500                           |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.45m                      | cột         |                                                   |                            | 1.692.950                           |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D141.3x4.5mm, L=2.675m                     | cột         |                                                   |                            | 1.848.430                           |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=1.7m                         | cột         |                                                   |                            | 1.213.080                           |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=1.36m                        | cột         |                                                   |                            | 980.070                             |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D140x4.5mm, L=1.08m                        | cột         |                                                   |                            | 785.920                             |         |
|      | Trụ đỡ tôn sóng D150, T=4.5mm, L=1400mm                    | cột         |                                                   |                            | 1.021.750                           |         |
|      | Cột thép D168.34x4.78mm, L=0.4m                            | cột         | nt                                                |                            | 635.000                             |         |
|      | Nắp chụp D146x20mm                                         | cái         | nt                                                |                            | 50.000                              |         |
|      | Mũ che D142x4mm                                            | cái         | nt                                                |                            | 50.000                              |         |
|      | Thép đệm 196x178x200x4.5mm                                 | cái         | nt                                                |                            | 880.000                             |         |
|      | Thép đệm 4x389x624mm                                       | cái         | nt                                                |                            | 689.900                             |         |
|      | Thép đệm 603x50x4mm                                        | cái         | nt                                                |                            | 85.000                              |         |
|      | Thép đệm 300x70x5mm                                        | cái         | nt                                                |                            | 49.000                              |         |
|      | Thép đệm 624x389x4.3mm                                     | cái         | nt                                                |                            | 722.000                             |         |
|      | Bu lông 6 cạnh 21mm, L=165mm                               | cái         | nt                                                |                            | 34.000                              |         |
|      | Bu lông 6 cạnh 21mm, L=52mm                                | cái         | nt                                                |                            | 12.500                              |         |
|      | Bulông D16x35                                              | cái         | nt                                                |                            | 9.000                               |         |
|      | Bulông D20x180                                             | cái         | nt                                                |                            | 40.000                              |         |
|      | Bulông D18x40                                              | cái         | nt                                                |                            | 12.000                              |         |
|      | Bulông D18x33                                              | cái         | nt                                                |                            | 11.200                              |         |
|      | <b>Tường chống ồn</b>                                      |             |                                                   |                            |                                     |         |

| S TT | Loại vật liệu xây dựng                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ                         | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|---------|
|      |                                                                                                                                                                        |             |                                                                           | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |         |
| (1)  | (2)                                                                                                                                                                    | (3)         | (4)                                                                       | (5)                        | (6)                                 | (7)     |
|      | Tường cao 4m, khoảng cách 2m/trụ; quy cách trụ H125x125x6.5x9                                                                                                          | md          | Tấm chống ồn KT 1960x500 (520)x100mm                                      |                            | 34.150.000                          |         |
|      | Tường cao 4m, khoảng cách 4m/trụ; quy cách trụ H150x150x7x10                                                                                                           | md          | - Bọc tấm chống ồn bằng nhôm tấm dày 1.2mm sơn tĩnh điện màu theo yêu cầu |                            | 30.190.000                          |         |
|      | Tường cao 3m, khoảng cách 2m/trụ; quy cách trụ H125x125x6.5x9                                                                                                          | md          | - Móng mũi neo bằng thép ống P75.6x3.25mm, dài 1.5m - 2.0m                |                            | 23.800.000                          |         |
|      | Tường cao 3m, khoảng cách 4m/trụ; quy cách trụ H150x150x7x10                                                                                                           | md          | - Đủ phụ kiện lắp đặt                                                     |                            | 21.450.000                          |         |
|      | <b>Hàng rào</b>                                                                                                                                                        |             |                                                                           |                            |                                     |         |
|      | <b>Hàng rào lưới B40</b>                                                                                                                                               |             |                                                                           |                            |                                     |         |
|      | Hàng rào lưới thép D40 mạ kẽm KT 4x63x63mm, L=1500x2730mm                                                                                                              | cái         | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123                                       |                            | 2.826.950                           |         |
|      | Ống thép D60, dày 3mm, L= 1440mm                                                                                                                                       | m2          |                                                                           |                            | 670.000                             |         |
|      | Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm bao gồm 2 mặt tấm thép 50x3mm-L=112mm và L=65mm, Mặt bích vuông 120x10mm- L=120mm, bu lông đai ốc D12 (2 cái), L=50mm, L=20mm | cái         |                                                                           |                            | 663.000                             |         |
|      | Cửa hàng rào lưới thép B40, mạ kẽm nhúng nóng (khung làm bằng thép hộp T25x50x1,8, thanh nẹp L40x4, thép tấm PL26x2, lưới B40, d4mm, ô mắt 63x63mm                     | cái         |                                                                           |                            | 3.095.100                           |         |
|      | Thanh chống bằng thép ống mạ kẽm P50, 1x2,8x1240 (bao gồm tai bắt, tấm gia cường) mạ kẽm nhúng nóng                                                                    | cái         |                                                                           |                            | 475.000                             |         |
|      | Thanh gìm D12x500m                                                                                                                                                     | cái         |                                                                           |                            | 22.000                              |         |
|      | <b>Hàng rào dây thép gai</b>                                                                                                                                           |             |                                                                           |                            |                                     |         |
|      | Kẽm gai hàng rào đường kính dây 2,5mm                                                                                                                                  | m           | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123                                       |                            | 5.500                               |         |
|      | Cột thép D60 dày 3mm dài 1640mm, mạ kẽm                                                                                                                                | cái         |                                                                           |                            | 790.000                             |         |
|      | Ống thép chịu lực D60, dày 3mm, L=1590mm bao gồm móc thép D8, L=120mm, mặt bích vuông 120x10mm, L=120mm, bu lông đai ốc D12, L=50mm                                    | cái         |                                                                           |                            | 721.200                             |         |
|      | <b>Các hạng mục khác</b>                                                                                                                                               |             |                                                                           |                            |                                     |         |
|      | Cột cần vուն                                                                                                                                                           | kg          | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123                                       |                            | 49.700                              |         |
|      | Giá long môn                                                                                                                                                           | kg          | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123                                       |                            | 51.500                              |         |
|      | Đỉnh phản quang loại 1                                                                                                                                                 | cái         | (KT 130x110x25mm bằng nhôm có chân dài 75, 2 mặt phản quang               |                            | 159.500                             |         |
|      | Trụ chống va                                                                                                                                                           | cái         |                                                                           |                            | 7.800.000                           |         |
|      | Dải phân cách giữa di động                                                                                                                                             | m           | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123                                       |                            | 9.090.000                           |         |
|      | Lưới chống chói                                                                                                                                                        | m           | Mạ kẽm nhúng nóng theo TC ASTM A123                                       |                            | 884.000                             |         |

| S TT | Loại vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú                  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
|      |                                                                                                                                                                                              |             |                                                   | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |                          |
| (1)  | (2)                                                                                                                                                                                          | (3)         | (4)                                               | (5)                        | (6)                                 | (7)                      |
|      | Chỉ hướng mũi tên (đào xếp bằng thép)                                                                                                                                                        | bộ          |                                                   |                            | 735.000                             |                          |
| 3    | <b>Sản phẩm của Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng Vĩnh Hưng</b><br>Trụ sở: Lô BT2, Ô số 49 Khu Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội. Liên hệ: 84-4-3540.2468 |             |                                                   |                            |                                     |                          |
|      | <b>Hệ lưới sức kháng cao kết hợp neo thép chống đá lăn, đá rơi</b>                                                                                                                           |             |                                                   |                            |                                     |                          |
|      | Neo thép D32                                                                                                                                                                                 | m           | Hãng Maccaferri                                   |                            | 134.181                             | Giao tại chân công trình |
|      | Lưới sức kháng cao                                                                                                                                                                           | m2          |                                                   |                            | 1.205.000                           |                          |
|      | Tấm đế neo                                                                                                                                                                                   | cái         |                                                   |                            | 384.000                             |                          |
|      | Khóa cáp chữ U cho cáp D8                                                                                                                                                                    | cái         |                                                   |                            | 54.000                              |                          |
|      | Khóa cáp chữ U cho cáp D16                                                                                                                                                                   | cái         |                                                   |                            | 259.000                             |                          |
|      | Thiết bị liên kết các tấm lưới                                                                                                                                                               | cái         |                                                   |                            | 16.000                              |                          |
|      | Cáp biên D16                                                                                                                                                                                 | m           |                                                   |                            | 128.000                             |                          |
|      | Lưới chống xói 3 trục HDPE                                                                                                                                                                   | m2          |                                                   |                            | 249.000                             |                          |
|      | Tường chống ồn loại tiêu âm bao gồm khung tấm chống ồn, dây an toàn, khóa cáp, bulon, khớp kim loại, cột H, giằng cao su...)                                                                 |             | Hàn Quốc                                          |                            | 8.540.000                           | nt                       |
|      | Cáp dự ứng lực, không vỏ bọc, 7 sợi, độ chùng thấp, đường kính 12,7mm theo chuẩn ASTM A416, Grade 270                                                                                        | tấn         | Malaysia                                          |                            | 30.500.000                          | Giao tại chân công trình |
|      | Neo dự ứng lực ZM.M13A-12                                                                                                                                                                    | Bộ          | Trung Quốc                                        |                            | 2.250.000                           |                          |
|      | Gối chấu cho dầm Super T di động                                                                                                                                                             | Chiếc       | Cty Vĩnh Hưng                                     |                            | 31.500.000                          |                          |
|      | Gối chấu cho dầm Super T di động                                                                                                                                                             | Chiếc       | Cty Vĩnh Hưng                                     |                            | 33.500.000                          |                          |
|      | Khe co giãn dạng răng lược chuyển vị 100mm (VHF-C100)                                                                                                                                        | met         | Cty Vĩnh Hưng                                     |                            | 19.200.000                          |                          |
|      | Gối cao su tổng hợp cố định 150x250x35mm                                                                                                                                                     | Chiếc       | nt                                                |                            | 800.000                             |                          |
|      | Gối cao su tổng hợp di động 150x250x35mm                                                                                                                                                     | Chiếc       | nt                                                |                            | 950.000                             |                          |
|      | Gối cao su tổng hợp cố định 300x400x67mm                                                                                                                                                     | Chiếc       | nt                                                |                            | 4.800.000                           |                          |
|      | Gối cao su tổng hợp di động 300x400x67mm                                                                                                                                                     | Chiếc       | nt                                                |                            | 5.800.000                           |                          |
|      | Gối cao su tổng hợp cố định 400x450x78mm                                                                                                                                                     | Chiếc       | nt                                                |                            | 8.400.000                           |                          |
|      | Gối cao su tổng hợp di động 400x450x78mm                                                                                                                                                     | Chiếc       | nt                                                |                            | 10.150.000                          |                          |
|      | Gối chấu di động song hướng VHB-11,5FS                                                                                                                                                       | Chiếc       | nt                                                |                            | 298.000.000                         |                          |
|      | Gối chấu di động đơn hướng VHB-11,5GS                                                                                                                                                        | Chiếc       | nt                                                |                            | 390.000.000                         |                          |
|      | Gối chấu di động song hướng VHB-8FS                                                                                                                                                          | Chiếc       | nt                                                |                            | 180.000.000                         |                          |
|      | Gối chấu di động đơn hướng VHB-8GS                                                                                                                                                           | Chiếc       | nt                                                |                            | 270.000.000                         |                          |
|      | Gối chấu di động song hướng VHB-1,2FS                                                                                                                                                        | Chiếc       | nt                                                |                            | 24.000.000                          |                          |
|      | Gối chấu di động đơn hướng VHB-1,2GS                                                                                                                                                         | Chiếc       | nt                                                |                            | 26.000.000                          |                          |
| 4    | <b>Sản phẩm của Công ty TNHH xây dựng cơ khí Lê Minh</b>                                                                                                                                     |             |                                                   |                            |                                     | Giao tại chân công trình |
|      | Cáp DƯỠ                                                                                                                                                                                      | kg          |                                                   |                            | 30.500                              |                          |
|      | Neo 12 toan 12.7mm                                                                                                                                                                           | cái         |                                                   |                            | 2.030.000                           |                          |
|      | Gối chấu cho dầm Super T di động song hướng                                                                                                                                                  | Bộ          |                                                   |                            | 29.500.000                          |                          |
|      | Gối chấu cho dầm Super T cố định                                                                                                                                                             | Bộ          |                                                   |                            | 31.500.000                          |                          |
|      | Khe co giãn dạng răng lược D=50mm                                                                                                                                                            | m           |                                                   |                            | 15.000.000                          |                          |
|      | Khe co giãn dạng răng lược D=100mm                                                                                                                                                           | m           |                                                   |                            | 18.000.000                          |                          |
|      | Ổng thép siêu âm D106,5/113,5                                                                                                                                                                | m           |                                                   |                            | 230.000                             |                          |

| S TT | Loại vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ  | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú                  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
|      |                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |                                                    | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |                          |
| (1)  | (2)                                                                                                                                                                                                                                                                           | (3)         | (4)                                                | (5)                        | (6)                                 | (7)                      |
|      | Ống thép siêu âm D106,5/113,5                                                                                                                                                                                                                                                 | m           |                                                    |                            | 165.000                             |                          |
| 5    | <b>PHỤ GIA CHỐNG LÚN</b>                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                                                    |                            |                                     |                          |
|      | Phụ gia chống lún SBS-Globalprene 3501                                                                                                                                                                                                                                        | kg          | Cty Hoàng Kim Hưng/Xuất xứ Đài Loan                |                            | 69.091                              | Giao tại chân công trình |
|      | Phụ gia chống lún SBS-Globalprene 3501                                                                                                                                                                                                                                        | kg          | Cty Hoàng Kim Hưng/Xuất xứ Hàn Quốc                |                            | 70.000                              |                          |
|      | Phụ gia chống lún SBS 3501                                                                                                                                                                                                                                                    | kg          | Cty CP TM và Quốc tế Nam Bảo Hưng/Xuất xứ Đài Loan |                            | 71.818                              | Giao tại chân công trình |
| 7    | <b>TƯỜNG CHÂN ĐẤT CÓ CỘT VSOL</b><br><i>Sản phẩm của Cty TNHH VSL Việt Nam</i>                                                                                                                                                                                                |             |                                                    |                            |                                     |                          |
|      | Dải gia cường Fasten FW 50KN                                                                                                                                                                                                                                                  | m           |                                                    |                            | 99.550                              | Giao tại chân công trình |
|      | Dải gia cường Fasten FW 70KN                                                                                                                                                                                                                                                  | m           |                                                    |                            | 105.500                             |                          |
|      | Chốt cầu                                                                                                                                                                                                                                                                      | cái         |                                                    |                            | 29.600                              |                          |
|      | Thanh dẫn hướng                                                                                                                                                                                                                                                               | Thanh       |                                                    |                            | 30.500                              |                          |
|      | Gối kê nhựa HDPE                                                                                                                                                                                                                                                              | cái         |                                                    |                            | 32.800                              |                          |
|      | Vải địa kỹ thuật bịt khe tường                                                                                                                                                                                                                                                | m2          |                                                    |                            | 35.100                              |                          |
|      | Keo dán vải địa kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                      | kg          |                                                    |                            | 45.000                              |                          |
| 8    | <b>TƯỜNG CHÂN ĐẤT CÓ CỘT</b><br><i>Sản phẩm của Cty CP đầu tư xây dựng Trung Bắc</i>                                                                                                                                                                                          |             |                                                    |                            |                                     |                          |
|      | Dải gia cường Fasten FW 50KN                                                                                                                                                                                                                                                  | m           |                                                    |                            | 105.000                             | Giao tại chân công trình |
|      | Chốt cầu                                                                                                                                                                                                                                                                      | cái         |                                                    |                            | 35.000                              |                          |
|      | Thanh dẫn hướng                                                                                                                                                                                                                                                               | Thanh       |                                                    |                            | 33.000                              |                          |
|      | Gối kê nhựa HDPE                                                                                                                                                                                                                                                              | cái         |                                                    |                            | 35.000                              |                          |
|      | Vải địa kỹ thuật bịt khe tường                                                                                                                                                                                                                                                | m2          |                                                    |                            | 38.000                              |                          |
|      | Keo dán vải địa kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                      | kg          |                                                    |                            | 45.000                              |                          |
| 9    | <b>TƯỜNG CHÂN ĐẤT CÓ CỘT</b><br><i>Sản phẩm của Cty CP đầu tư xây dựng và thương mại BIM</i>                                                                                                                                                                                  |             |                                                    |                            |                                     |                          |
|      | Dải gia cường Fasten FW 50KN                                                                                                                                                                                                                                                  | m           |                                                    |                            | 108.160                             | Giao tại chân công trình |
|      | Chốt cầu                                                                                                                                                                                                                                                                      | cái         |                                                    |                            | 31.800                              |                          |
|      | Thanh dẫn hướng                                                                                                                                                                                                                                                               | Thanh       |                                                    |                            | 32.900                              |                          |
|      | Gối kê nhựa HDPE                                                                                                                                                                                                                                                              | cái         |                                                    |                            | 36.000                              |                          |
|      | Vải địa kỹ thuật bịt khe tường                                                                                                                                                                                                                                                | m2          |                                                    |                            | 38.000                              |                          |
|      | Keo dán vải địa kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                      | kg          |                                                    |                            | 46.000                              |                          |
| 10   | <b>ỐNG THOÁT NƯỚC THẨM THẤU</b><br><i>Sản phẩm của Cty CP tư vấn xây dựng và đầu tư BETA</i>                                                                                                                                                                                  |             |                                                    |                            |                                     |                          |
|      | Ống xoắn thoát nước thẩm thấu linh hoạt<br>- Chất liệu : Thép không gỉ<br>- Đường kính ngoài 18 mm<br>- Đường kính trong 15mm<br>- Đường kính lỗ thấm 1,8mm<br>- Ống dày 1,5mm<br>- Cường độ nén ≥ 20PMa<br>- Khả năng chịu nhiệt độ đạt 240oC trong 30 phút<br>- Ống dài 50m | m           | Xuất xứ: Hàn Quốc                                  |                            | 565.000                             | Giao tại chân công trình |
|      | Đầu thu nước thẩm thấu<br>- Chiều dài ống L=300mm<br>- Chất liệu: Thép không gỉ                                                                                                                                                                                               | cái         |                                                    |                            | 2.120.000                           |                          |
| 11   | <b>ỐNG THOÁT NƯỚC THẨM THẤU</b><br><i>Sản phẩm của Cty CP tư vấn xây dựng đầu tư xây dựng Miền Bắc</i>                                                                                                                                                                        |             |                                                    |                            |                                     |                          |

| S T T | Loại vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/quy cách/nhà sản xuất/xuất xứ | Giá tại khu vực (chưa VAT) |                                     | Ghi chú                  |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                           |             |                                                   | Giá tại cơ sở sản xuất     | Giá bán khu vực trung tâm thành phố |                          |
| (1)   | (2)                                                                                                                                                                                       | (3)         | (4)                                               | (5)                        | (6)                                 | (7)                      |
|       | Ống xoắn thoát nước thăm thấu linh hoạt<br>- Chất liệu : Thép không gỉ<br>- Đường kính ngoài 18 mm<br>- Đường kính lỗ thăm 1,8mm<br>- Ống dày 1,5mm<br>- Cường độ nén $\geq 20\text{PMa}$ | m           | Xuất xứ: Hàn Quốc                                 |                            | 610.000                             | Giao tại chân công trình |
|       | Đầu thu nước thăm thấu D43<br>- Chiều dài ống L=300mm<br>- Chất liệu: Thép không gỉ                                                                                                       | cái         |                                                   |                            | 2.500.000                           |                          |